



EVN HPC DHD



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Địa chỉ: Số 80A, Trần Phú, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: (0263) 3728 171

Fax: (0263) 3866 457

Email: trusochinh@dhd.com.vn

Website: www.dhd.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018



THÔNG TIN CHUNG	01
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	17
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	37
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	45
QUẢN TRỊ CÔNG TY	51
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018	63

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Tên viết tắt: EVNHPC DHD

Tên Tiếng Anh: DA NHIM - HAM THUAN - DA MI HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY

Mã cổ phiếu: DNH

Vốn điều lệ: 4.224.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 5.842.398.054.397 đồng

Trụ sở chính: Số 80A, Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: (0263) 3728 171

Fax: (0263) 3866 457

Email: trusochinh@dhd.com.vn

Website: www.dhd.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5800452036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06 tháng 07 năm 2017

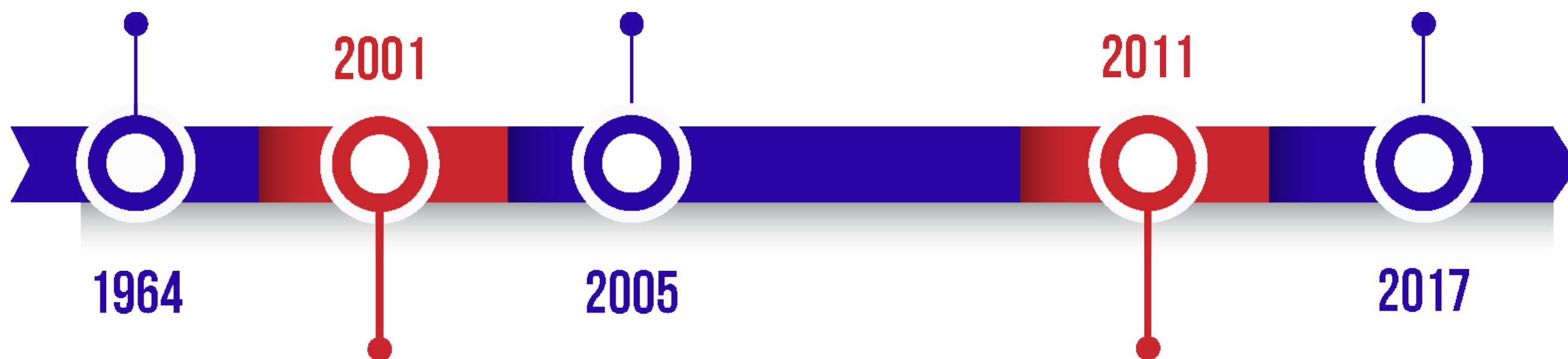


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1964: Tiền thân Công ty là Nhà máy thủy điện (NMTĐ) Đa Nhim, đưa vào vận hành từ năm 1964 với công suất lắp đặt: 160 MW.

Năm 2005: Chuyển NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 18/2005/QĐ-BCN ngày 30/03/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Năm 2017: Ngày 20/03/2017, trở thành công ty đại chúng.



Năm 2001: Sáp nhập cụm NMTĐ Hàm Thuận - Đa Mi trở thành NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi theo Quyết định số 154 EVN/TCCB.ĐT ngày 21/05/2001 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Năm 2011: Công ty thực hiện cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 07/10/2011.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

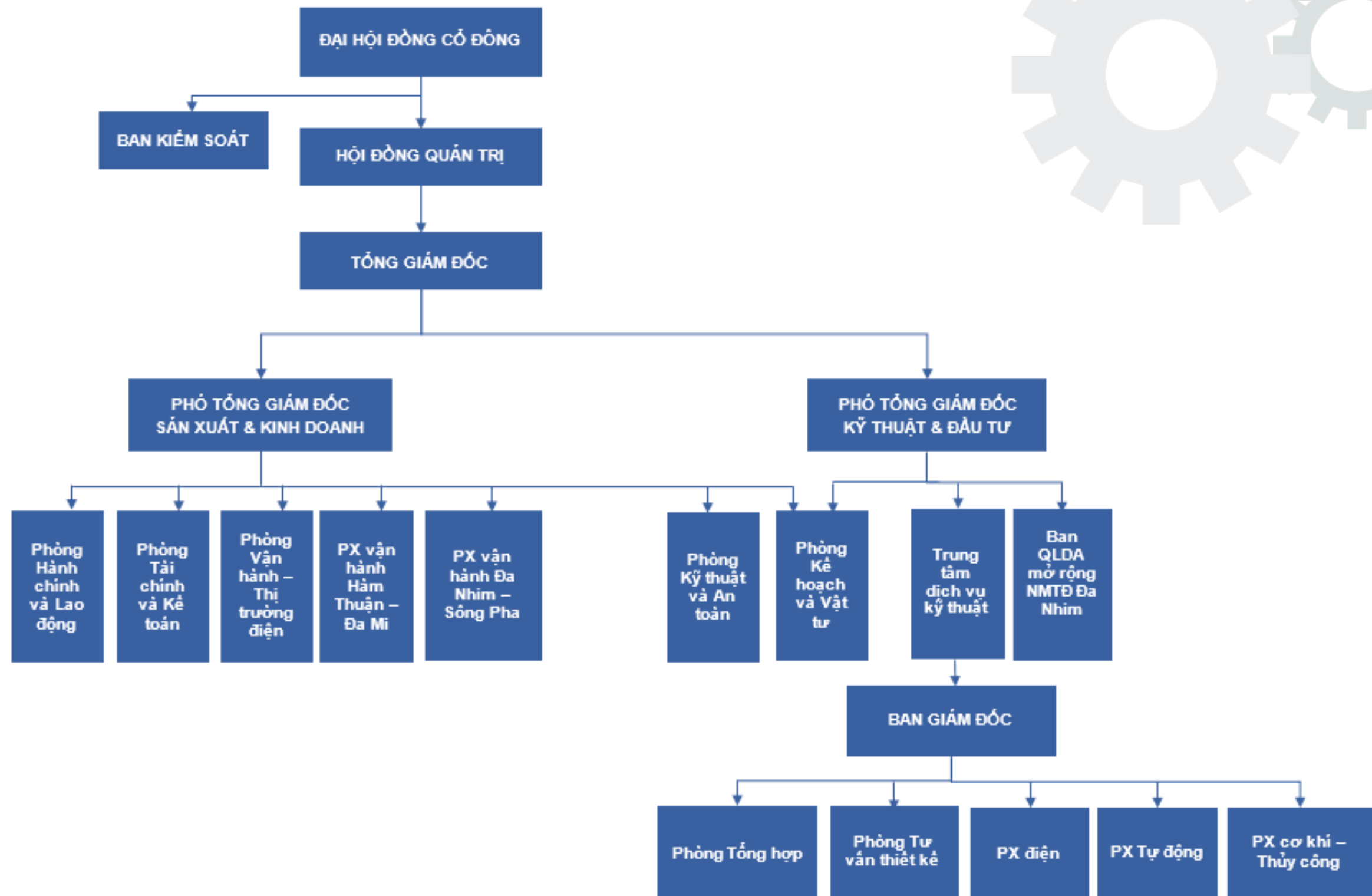
Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu ở 03 tỉnh là Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY THAM GIA LIÊN KẾT

Công ty mẹ: Tổng công ty Phát điện 1

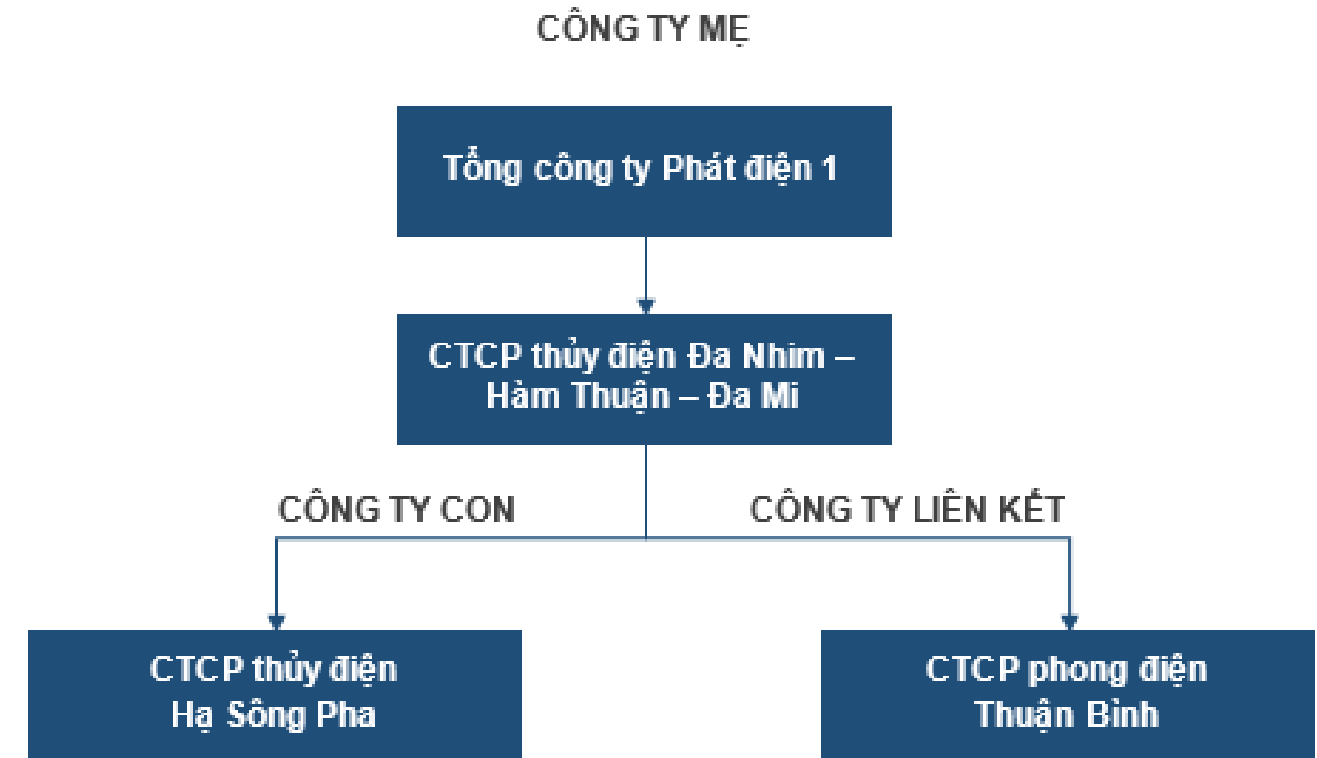
- Trụ sở chính: Tòa tháp B, 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 6694 1234
- Mã số thuế: 5701662152
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Tỷ lệ nắm giữ tại DNH: 99,93%/vốn điều lệ

Công ty con: Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

- Địa chỉ : Thôn Lâm Bình, Xã Lâm Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận.
- Điện thoại : (0268) 39 52 178 - Fax : (0268) 39 52 179
- Mã số thuế : 4500407954
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của DNH tại công ty: 70% vốn điều lệ.

Công ty liên kết: Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình

- Địa chỉ: Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại : (0262) 38 22 024
- Fax : (0262)38 23 024
- Mã số thuế : 3400675644
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của DNH tại công ty: 20% vốn điều lệ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chiến lược chủ yếu của công ty

- Tối đa hóa giá trị Công ty.
- Đảm bảo vận hành phát điện ổn định, liên tục, an toàn các nhà máy điện
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý nhằm khai thác tối ưu hồ chứa để đạt doanh thu cao nhất.

Mục tiêu phát triển bền vững

- Cân đối hài hòa lợi ích Nhà nước, Nhà đầu tư;
- Giữ gìn, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.
- Chăm lo đời sống Người lao động, đảm bảo thu nhập và công việc ổn định.
- Tham gia hỗ trợ các địa phương trên địa bàn, gia đình chính sách; xây nhà tình nghĩa, hộ nghèo; hỗ trợ cơ sở vật chất, cấp học bổng cho các trường trên địa bàn...

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim để tăng công suất thêm 80MW, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019;
- Hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi với công suất 47,5 MWp;
- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các NMTĐ Hàm Thuận, Đa Mi, Sông Pha;
- Hoàn thiện các hồ sơ để bổ sung quy hoạch Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2.





Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 7,08% đây là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua, cao hơn mức kì vọng là 6,8%. Lạm phát cũng được duy trì ổn định tại mức 3,58%, đạt lạm phát mục tiêu dưới 4%. Đó là tín hiệu tốt đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tăng trưởng kinh tế sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp công nghiệp, sản xuất mở rộng sản xuất kinh doanh, từ đó tăng nhu cầu sử dụng năng lượng điện, đặc biệt ở khu vực miền Nam luôn trong tình trạng thiếu điện là điều kiện thuận lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Với nhu cầu vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cấp công suất nhà máy, Công ty luôn cân nhắc đến việc sử dụng đòn cân nợ một cách hợp lý. Các dự án Công ty đang đầu tư đều sử dụng nguồn vốn vay ODA nên lãi suất cố định chưa vay thương mại. Trong năm 2018, lãi suất cho vay phổ biến ở mức 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đây được xem là chi phí lãi vay hợp lý để các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn ngân hàng. Tuy nhiên, năm 2019, lãi suất có xu hướng tăng vì lạm phát kì vọng lạm phát tăng, giá hàng hoá thế giới biến động và các ngân hàng phải thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỉ lệ an toàn. Nhưng bằng uy tín trên thị trường và tình hình tài chính tốt, Công ty vẫn tiếp cận được vốn vay ngân hàng với chi phí thấp.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá xuất phát từ các khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty. Cụ thể, trong giai đoạn 2015 - 2018, Công ty đầu tư xây dựng dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim có tổng mức đầu tư khoảng 1.952 tỷ đồng, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản (85% tổng mức đầu tư của Dự án) và vốn đối ứng của Chủ đầu tư (15%). Theo đó khi đến kì thanh toán, tỷ giá giữa Yên Nhật và Đồng Việt Nam tăng sẽ khiến cho Công ty chịu thêm áp lực tỷ giá. Ngược lại, khi tỷ giá có xu hướng giảm, lợi nhuận của Công ty sẽ được cải thiện vì hưởng lợi từ tỷ giá.

Trong năm qua, thương mại toàn cầu bất ổn, đồng Yên Nhật được xem là kênh trú ẩn tài sản an toàn. Tính tới thời điểm 25/12, tỷ giá JPY/VND tăng gần 4,81% so với cuối năm trước, mức tăng trên cao nhất từ năm 2012 đến nay. Theo dự báo, nhu cầu đồng Yên trong năm 2019 sẽ tiếp tục tăng cao do lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm, thương mại quốc tế trở nên căng thẳng, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu,... Công ty dự tính rủi ro tỷ giá vào kế hoạch tài chính hàng năm để chủ động trong việc đối phó với rủi ro tỷ giá.

RỦI RO

Rủi ro thời tiết

Do đặc thù của Nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều vào diễn biến của tình hình thủy văn đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra phức tạp, không theo quy luật, khó dự báo và mang tính cực đoan xảy ra cục bộ trên từng tiểu lưu vực. Bên cạnh nhiệm vụ phát điện, các nhà máy còn phải đảm bảo cấp nước chống hạn vào mùa khô và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ du vào mùa mưa hàng năm.

Mặc dù tần suất nước về các tháng đầu năm 2019 khá tốt (tần suất nước về 03 tháng đầu năm của hồ Đơn Dương là 5,65% và hồ Hàm Thuận là 24,73%). Tuy nhiên, đối với hồ Hàm Thuận tính đến đầu năm 2019 mực nước chỉ là 597,84m, tương ứng với dung tích hữu ích 67,4%, thấp hơn MNDBT 7,16m, thậm chí thấp hơn cả mực nước tối thiểu cùng thời điểm của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai là 2,26m (mực nước tối thiểu là 600,1m). Điều này gây khó khăn cho việc chạy máy phát điện theo kế hoạch và cấp nước cho hạ du trong các mùa khô còn lại của năm 2019.

Rủi ro biến động giá

Giá điện của Công ty được ký kết theo hợp đồng dài hạn nên Công ty không bị tác động bởi biến động giá theo sự điều chỉnh giá của Nhà nước.

Rủi ro luật pháp

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, nên chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và luật Chuyên ngành như: Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Chứng khoán,... Hệ thống khung pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi là khó tránh khỏi. Mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty luôn chú trọng cập nhật những thay đổi pháp luật hiện hành để đưa ra các chiến lược quản trị và kinh doanh phù hợp.

Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày, một rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác bao gồm: động đất, hỏa hoạn, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo,...Hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ - khu vực chịu ảnh hưởng nhiều của các đợt thiên tai bão lũ, hoạt động kinh doanh của Công ty ít nhiều bị ảnh hưởng. Các thiệt hại do hư hỏng, sập gãy cột điện, đường dây trong các đợt bão lũ gây khó khăn đối với việc cấp điện liên tục và ổn định của Công ty. Các rủi ro này khó có thể lường trước được, vì vậy Công ty đã thực hiện các phương án giảm thiểu thiệt hại như mua bảo hiểm công trình, lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy, phương án dự phòng khác để hoạt động kinh doanh của Công ty có thể duy trì liên tục hoặc hoạt động lại trong thời gian sớm nhất.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018 tình hình thủy văn cực đoan, diễn biến bất thường, lưu lượng nước về hồ Đơn Dương thấp hơn cùng kỳ năm 2017 và trung bình nhiều năm, lưu lượng về hồ Đơn Dương là 19,94 m3/s (năm 2017 là 39,85 m3/s; TBNN là 22,79 m3/s).Lưu lượng nước về hồ chỉ được cải thiện từ giữa cuối tháng 11 năm 2018, giai đoạn mực nước đã ở mức cao (cuối mùa lũ). Do vậy, hồ Đơn Dương phải tiến hành xả điều tiết qua tràn trong điều kiện lượng nước về hồ năm 2018 thấp hơn trung bình nhiều năm.

Lưu lượng về hồ Hàm Thuận cao hơn cùng kỳ năm 2017 và trung bình nhiều năm, lưu lượng về hồ Hàm Thuận là 61,34 m3/s (năm 2017 là 56,67 m3/s; TBNN là 51,03 m3/s), tuy nhiên lượng mưa chỉ tập trung từ tháng 7 đến tháng 9, hồ Hàm Thuận phải thực hiện xả điều tiết với tổng lượng nước 111,54 triệu m3 trong các tháng 8, 9 và 10/2018. Từ giữa tháng 10 đến hết tháng 12/2018, do tình hình sự cố của các tổ máy ở miền Nam và phụ tải của khu vực miền Nam tăng cao, Nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi được huy động cao để đáp ứng nhu cầu của hệ thống và đảm bảo an ninh năng lượng nên mực nước hồ Hàm Thuận đến cuối năm 2018 chỉ đạt 597,84 m thấp hơn 7,16 m so với MNDBT (605 m). Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đa Nhim		Hồ Hàm Thuận	
		2017	2018	2017	2018
Lưu lượng nước vào hồ	m³/s	39.85	19.94	56.67	61.34
Tần suất	%	3.32	57.33	28.12	18.8
Lưu lượng nước chạy máy	m³/s	25.12	17.82	57.6	59.11
Lưu lượng nước xả bình quân	m³/s	14.34	1.88	0	3.51
Tổng lượng nước xả qua đập	tr. m³	452.98	60.5	0	111.54
Mức nước hồ đầu kỳ	m	1,042.29	1,042.00	605.1	603.49
Mức nước hồ cuối kỳ	m	1,042.00	1,041.90	603.49	597.84

Sản lượng điện sản xuất đạt 3.069 triệu kWh tăng so với kế hoạch đặt ra 15,19%, nhưng thấp hơn 7,28% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng điện tại thủy điệnNMTĐ Đa Nhim — Sông Pha đạt sản lượng 90,19% so với kế hoạch, tương ứng với 1.048 triệu kWh. Sản lượng điện sản xuất tại NMTĐ Hàm Thuận — Đa Mi tăng 34,46%, tương ứng với 2.021 triệu kWh.

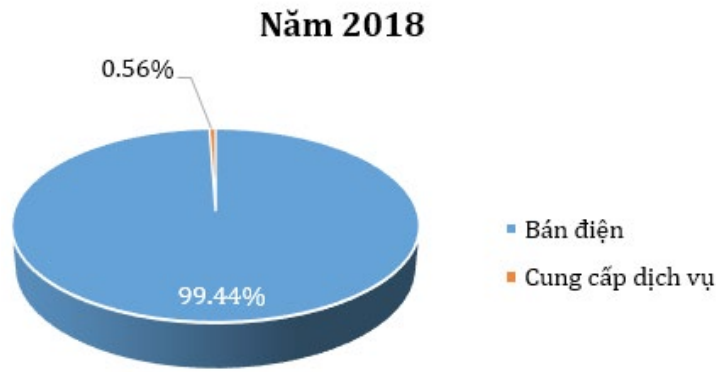
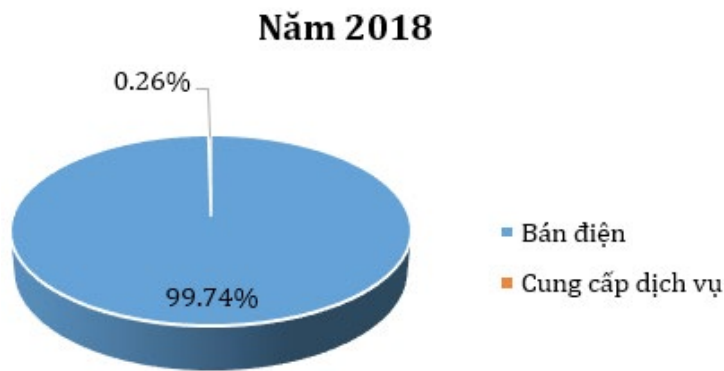
Nội dung	KH 2018	TH 2018	TH 2017	TH/KH (%)	SS 2017 (%)
Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2,665	3,069	3,310	115.19	92.72
Đa Nhim - Sông Pha	1,162	1,048	1,460	90.19	71.78
Hàm Thuận - Đa Mi	1,503	2,021	1,850	134.46	109.24
Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2,640	3,048	3,287	115.45	92.73
Đa Nhim - Sông Pha	1,151	1,040	1,449	90.36	71.77
Hàm Thuận - Đa Mi	1,489	2,008	1,838	134.86	109.25
Tỉ lệ tổn thất - tự dùng (%SLĐ)	0.95	0.74	0.71	77.89	104.23
Hệ số khả dụng	95.5	95.27	98	99.76	97.21
Tỉ lệ dừng máy sự cố	0.5	0.01	0.01	2	100
Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng	4	4.72	1.99	118	238.38

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng						
STT	Doanh thu thuần	Năm 2017	Tỷ trọng năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2018	% Năm 2018/ Năm2017
1	Bán điện	1,647.59	99.04%	2,385.08	99.44%	144.76%
2	Cung cấp dịch vụ	16.05	0.96%	13.48	0.56%	83.99%
Tổng cộng		1,663.64	100.00%	2,398.56	100.00%	144.18%

Lĩnh vực hoạt động chính và đem lại doanh thu chủ yếu cho Công ty qua các năm là lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, chiếm tỷ trọng 99,44% vào năm 2018, mang về 2.385,08 tỷ đồng doanh thu, cao hơn so với cùng kỳ năm 2017 là 44,76%. Nguyên nhân khiến cho doanh thu bán điện tăng trưởng mạnh trong năm chính là do các nguồn

điện ở khu vực miền Nam không đáp ứng được nhu cầu phụ tải, Nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi được huy động cao để đáp ứng nhu cầu của hệ thống và đảm bảo an ninh năng lượng. Bên cạnh đó, doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm đạt 13,48 tỷ đồng, giảm 16,01% so với cùng kỳ năm ngoái.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc	7,600	0.00%
2	Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc	7,100	0.00%
3	Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc		
4	Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	9,800	0.00%

Lý lịch Ban điều hành

Ông Lê Văn Quang - Tổng Giám đốc

“ Năm sinh: 1968

“ Nơi sinh: Bình Định

“ Quốc tịch: Việt Nam

“ Địa chỉ thường trú: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

“ Trình độ văn hóa: 12/12

“ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết bị điện

“ Quá trình công tác

- Từ 09/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 03/1993 đến 03/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại NMTĐ Đa Nhim
- Từ 04/1996 đến 07/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng sửa chữa, NMTĐ Đa Nhim
- Từ 08/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa, NMTĐ Đa Nhim
- Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc Phân xưởng sửa chữa, NMTĐ Đa Nhim
- Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 1, Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 11/2007 đến 09/2011: Phó Giám đốc Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 10/2011 đến 06/2017: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 07/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

Đại diện sở hữu	126.630.930 cổ phần
Cá nhân sở hữu	7.600 cổ phần

“ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0,63% tại Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Đỗ Minh Lộc – Phó Tổng Giám đốc

“ Năm sinh: 1975

“ Nơi sinh: Quảng Trị

“ Quốc tịch: Việt Nam

“ Địa chỉ thường trú: xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

“ Trình độ văn hóa: 12/12

“ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện kỹ thuật

“ Quá trình công tác

- Từ 08/1998 đến 06/2001: Kỹ sư điện, NMTĐ Đa Nhim
- Từ 07/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2, NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 01/2003 đến 04/2008: Quản đốc Phân xưởng vận hành 2, Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 05/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng sản xuất Đa Nhim - Sông Pha, Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 01/2012 đến 05/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 06/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.100 cổ phần cá nhân

“ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0,25% tại Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 200 cổ phần





Nguyễn Đình Chiến - Phó Tổng Giám đốc

“ Năm sinh: 1974

“ Quốc tịch: Việt Nam

“ Địa chỉ thường trú: xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

“ Trình độ văn hóa: 12/12

“ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ năng lượng nước

“ Quá trình công tác

- Từ 11/1997 đến 08/2005 Kỹ sư điện Phân xưởng sửa chữa 2 - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 09/2005 đến 06/2007 Học Thạc sỹ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan
- Từ 07/2007 đến 05/2008 Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 2 - Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận – Đa Mi
- Từ 05/2008 đến 03/2010 Phó phòng dự án - Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 03/2010 đến 01/2011 Trưởng phòng tư vấn và thiết kế - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 01/2011 đến 12/2011 Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 01/2012 đến 12/2017 Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 01/2018 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó Tổng Giám đốc

“ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.000 CP

“ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0,03% tại Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Bà Phạm Thị Hồng Hà – Kế toán trưởng

“ Năm sinh: 1977

“ Nơi sinh: Khánh Hòa

“ Quốc tịch: Việt Nam

“ Địa chỉ thường trú: 80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

“ Trình độ văn hóa: 12/12

“ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

“ Quá trình công tác

- Từ 08/1999 đến 02/2004 Nhân viên phòng Tài chính kế toán, NMTĐ Đa Nhim
- Từ 03/2004 đến 08/2005 Phó phòng Tài chính kế toán, NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 09/2005 đến 10/2006 Trưởng phòng Tài chính kế toán NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 11/2006 đến 09/2011 Kế toán trưởng Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 10/2011 đến nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại Công ty Kế toán trưởng Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

“ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 9.800 cổ phần cá nhân

“ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0,37% tại Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan 1.000 cổ phần

“ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan 1.000 cổ phần

Danh sách thay đổi thành viên ban Điều hành trong năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	1/1/2018	
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên Ban kiểm soát		11/8/2018
3	Hoàng Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát	11/8/2018	

Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	254	100%
1	Trình độ trên đại học	7	2.76%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	118	46.46%
3	Trình độ trung cấp	67	26.38%
4	Công nhân kỹ thuật	53	20.86%
5	Lao động phổ thông	9	3.54%
II	Theo loại hợp đồng lao động	254	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	242	95.28%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	12	4.72%
III	Theo giới tính	254	100%
1	Nam	232	91.34%
2	Nữ	22	8.66%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	274	273	269	259
Thu nhập bình quân(đồng/ người/tháng)	25.127.000	22.990.000	24.757.000	25.182. 000



Chính sách nhân sự

Về đào tạo:

DNH luôn chú trọng công tác đào tạo để xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và sự phát triển chung của Công ty. Trong năm, Công ty đã tổ chức, bố trí cho gần 400 lượt cán bộ, công nhân viên tham gia các khóa đào tạo do EVN, EVNGENCO1 tổ chức, các buổi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý chuyên sâu và sử dụng khai thác các phần mềm quản lý hiệu quả, tập huấn về an toàn vệ sinh lao động,...Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức kèm cặp, nâng cao tay nghề và tổ chức sát hạch, thi nâng bậc cho người lao động. Nhìn chung, công tác đào tạo đã được triển khai tốt, kết quả đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ gắn với công việc và chức danh cụ thể.

Về tuyển dụng:

Nguồn nhân lực luôn được xem là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Công ty. Chính vì vậy, chính sách tuyển dụng được xây dựng với mục tiêu là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Công ty. Việc tuyển dụng được tiến hành công khai, công bằng thông qua các bước tuyển dụng của bộ phận Nhân sự quy định đối với mỗi vị trí, chức danh.

Môi trường đào tạo

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động phát năng lực và khả năng của mình. Mọi nhân viên đều được đánh giá đúng và công nhận dựa trên đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo quy trình do phòng Hành chính và Lao động hướng dẫn. Kết quả đánh giá sẽ xem xét việc tăng lương, thưởng và khả năng thăng tiến của cán bộ nhân viên.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty thực hiện trả lương dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của người lao động, thực hiện điều chỉnh lương định kỳ và khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó, cán bộ nhân viên Công ty luôn được đảm bảo các chính sách phúc lợi như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, thai sản,... theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty cũng có những chính sách phúc lợi riêng như quà cho nhân viên các dịp lễ, tết; được thăm quan, nghỉ mát hằng năm,...



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - công suất 80 MW**

Hầu hết các hạng mục đều đáp ứng tiến độ theo hợp đồng trừ công tác khoan đường hầm bằng TBM (dự kiến hoàn thành toàn bộ trong năm 2019). Công ty đã đưa tổ máy H5 Đa Nhim vào vận hành thử thách 72 giờ từ ngày 30/12/2018 với công suất 45MW.



- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2:**

Các hạng mục đang được thi công đúng tiến độ đã được phê duyệt. Dự kiến Dự án hoàn thành trước 30/06/2019.



- Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi - công suất 47,5MW:**

Công ty tiếp tục phối hợp với Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 phân tích, giải trình bổ sung giải pháp tổng thể để đảm bảo lợi ích về phát điện và cấp nước hạ du theo đề nghị của UBND tỉnh Ninh Thuận.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	7,674.29	9,061.23	118.07%
2	Doanh thu thuần	1,663.64	2,398.56	144.18%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	818.83	1,601.92	195.63%
4	Lợi nhuận khác	0.48	-0.95	-197.94%
5	Lợi nhuận trước thuế	819.31	1,600.97	195.40%
6	Lợi nhuận sau thuế	658.71	1,285.18	195.11%

Hầu hết chỉ tiêu tài chính đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các chỉ tiêu về lợi nhuận. Cụ thể, giá trị tổng tài sản tăng 18,07%, tương ứng với 9.061,23 tỷ đồng. Doanh thu thuần trong năm đạt giá trị 2.398,56 tỷ đồng tăng 44,18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6.65	1.72
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6.52	1.69
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27.22	35.52
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	37.41	55.09
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12.86	20.49
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0.21	0.29
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	39.59	53.58
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12.01	22.49
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8.43	15.36
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	49.22	66.79

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 6,65 xuống 1,86 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 6,52 xuống 1,83 lần. Mặc dù tài sản ngắn hạn tăng 44,05% so với cùng kỳ tương ứng với 2.596,28 tỷ đồng nhưng nợ ngắn hạn tăng mạnh 411,30% so với năm 2017, ứng với giá trị 1.393,53 tỷ đồng làm cho các chỉ tiêu về khả năng toán đều giảm mạnh.

Nguyên nhân do:

- Các khoản phải trả nhà cung cấp (các nhà thầu đang thực hiện hai dự án) ngắn hạn tăng đột biến là một trong những lý do khiến cho nợ ngắn hạn tăng mạnh. Khi các dự án hoàn thành, Công ty thanh toán cho các nhà thầu sẽ giảm đáng kể khoản phải trả này. Tiếp theo, khoản mục phải trả ngắn hạn cũng tăng bất thường vì tính tới 31/12/2018, Công ty ghi cổ tức phải trả cho cổ đông 211,20 tỷ đồng.

- Nguyên nhân nữa là khoản vay dài hạn đến hạn phải trả tăng 548,04 tỷ đồng. Tuy chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm mạnh nhưng các chỉ tiêu đều lớn hơn 1, điều này cho thấy tài sản ngắn hạn, đặc biệt các tài sản có tính thanh khoản cao vẫn đủ khả năng đảm bảo cho khoản nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tổng nợ phải trả, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều có xu hướng tăng. Tuy nhiên, dưới sự tăng trưởng đột biến của nợ ngắn hạn, tổng nợ tăng 54,07% so với cùng kỳ, đạt giá trị 3.218,83 tỷ đồng. Chính nguyên nhân trên khiến cho cơ cấu vốn của Công ty đã có sự dịch chuyển. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 27,22% lên 35,52%, điều này có nghĩa là cứ 1 đồng tài sản được tạo ra thì có 0,35 đồng từ nợ. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 37,41% lên 55,09% điều này có nghĩa là cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu thì có 0,55 đồng nợ phải trả.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Giá vốn hàng bán trong năm giảm 0,39% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt giá trị 789,10 tỷ đồng. Hàng tồn kho tính đến thời điểm 31/12/2018 đạt giá trị 41,09 tỷ đồng, tăng 14,35% so với cùng kỳ năm 2017. Tuy xét thấy sự chênh lệch của giá vốn hàng bán và hàng tồn kho so với cùng kỳ nhưng hệ số vòng quay hàng tồn kho lại có sự chênh lệch lớn, tăng từ 12,86 lên 20,49 vòng. Nguyên nhân, giá vốn hàng bán đầu kì năm 2017 có sự chênh lệch lớn vì vậy ảnh hưởng đến sự chính xác của hệ số. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,21 lên 0,29 vòng.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

Nhờ tình hình sản xuất kinh doanh thuận lợi nên cả doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều tăng so với năm 2017, vì vậy các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm đều tăng trưởng tốt. Cụ thể, biên lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng lên 53,58%, biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng từ 49,22% lên 66,79%, ROE và ROA lần lượt tăng lên 22,49% và 15,36%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 422.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 422.400.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/12/2018)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	119	422,398,700	4,223,987,000,000	100.00%
1	Cổ đông nhà nước	1	422,103,100	4,221,031,000,000	99.93%
2	Cổ đông tổ chức	1	9	90,000	0.00%
3	Cổ đông cá nhân	117	295,591	2,955,910,000	0.07%
II	Cổ đông nước ngoài	4	1,300	13,000,000	0.00%
1	Cá nhân	3	800	8,000,000	0.00%
2	Tổ chức	1	500	5,000,000	0.00%

Cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty Phát điện 1	422.103.100	99,93%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu: Không có

Chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù của NMTĐ là sử dụng chiều cao cột nước (thế năng) để sản xuất điện năng nên nguyên vật liệu chính là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Ngoài ra, trong quá trình vận hành Công ty có phát sinh nguồn vật tư thiết bị phục vụ công tác duy tu, sửa chữa. Việc sử dụng vật tư thiết bị được Công ty quản lý sử dụng một cách tiết kiệm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, thực đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm do không tuân thủ luật pháp về các quy định về môi trường. Đồng thời, Công ty cũng luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên kết hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các buổi tuyên truyền, hưởng ứng “Ngày Môi trường thế giới” góp phần cải thiện môi trường

làm việc và sinh hoạt chung.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng được tiêu thụ trực tiếp tại Công ty chủ yếu là điện năng tự dùng tại Nhà máy và các hoạt động thường xuyên tại văn phòng. Mức tiêu thụ năng lượng trong năm qua được Công ty thực hiện hiệu quả và tiết kiệm.

Tiêu thụ nước

Trong năm, Công ty sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn sông Đồng Nai và Sông La Ngà, để sản xuất được 3.048 triệu kWh. Với hệ thống nhóm nhà máy thủy điện bậc thang, NMTĐ Sông Pha và Đa Mi là bậc thang dưới nên tận dụng thủy năng của nguồn nước xả sau khi chạy máy NMTĐ Đa Nhim và NMTĐ Hàm Thuận với tỷ lệ tái sử dụng nước là 100%. Đồng thời, vì hạ lưu của các Nhà máy là những khu vực có lượng mưa thấp so với cả nước, Công ty luôn nhận thức sự quý giá của nguồn nước đến hoạt động kinh doanh của Công ty và môi trường sống. Do đó, Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt trong công tác quản lý và sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả trong hoạt động sản xuất điện góp phần bảo vệ môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách đào tạo

Công ty luôn có kế hoạch và luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển kỹ năng học tập và nâng cao tay nghề lao động.

Công tác đào tạo bên ngoài

Trong năm, Công ty đã tổ chức, bố trí cho gần 400 lượt cán bộ, công nhân viên tham gia các khóa đào tạo. Các nội dung đào tạo bao gồm:

- Đào tạo do EVN, EVNGENCO1 tổ chức theo kế hoạch.
- Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý chuyên sâu và sử dụng khai thác các phần mềm quản lý hiệu quả.
- Tập huấn về AT-VSLĐ.

Công tác đào tạo nội bộ

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện đào tạo thường xuyên về nâng cao tay nghề, tổ chức kèm cặp thi nâng bậc cho lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh. Trong năm 2018 đã thực hiện đào tạo chuẩn bị sản xuất và tổ chức sát hạch, công nhận các chức danh như:

- Trưởng ca, điều hành viên NMTĐ Đa Nhim mở rộng: 06 Trưởng ca, 10 Điều hành viên.
- Trưởng ca Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: 05 người.
- Trưởng ca cụm NMTĐ Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi: 02 Trưởng ca Đa Nhim - Sông Pha, 04 Trưởng ca Hàm Thuận - Đa Mi.
- Đào tạo bổ sung kiến thức cho Trưởng ca OCC của Công ty: 05 người.

Nhìn chung, kết quả đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty trong năm 2018 và các năm tiếp theo. Ước chi phí thực hiện đào tạo trong năm khoảng hơn 1,5 tỷ đồng đạt 83,5% so với kế hoạch năm 2018.



Chính sách, lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

- Công ty luôn có những chính sách lương phù hợp với khả năng làm việc và trách nhiệm của người lao động.
- Chính sách khen thưởng
- Công ty luôn xem xét, đánh giá mức độ hiệu quả của từng nhân sự sau đó phân loại, sắp xếp. Mục đích đánh giá là để khen thưởng cho khả năng làm việc người lao động
- Các nhân sự trong công ty được hưởng đủ quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được pháp luật quy định bắt buộc.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty luôn chú trọng đến công tác hỗ trợ cộng đồng địa phương. Công ty tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương như vận động gây quỹ ủng hộ đồng bào bị thiên tai, đóng góp xây dựng nhà tình thương, gây quỹ học bổng nhằm khuyến khích các em học giỏi, vượt khó. Đồng thời trong năm, Công ty cũng phối hợp với Hội chữ thập đỏ thành phố Bảo Lộc và Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng tổ chức cho CBCNV của Công ty thực hiện hiến máu tình nguyện ứng “Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp tết và Lễ hội Xuân hồng năm 2019”.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình thiết bị

Tình hình thiết bị của Công ty hoạt động ổn định. Tuy có xảy ra một vài sự cố nhưng đã được khắc phục nhanh chóng và đưa thiết bị vào vận hành trở lại.

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2018

Thuận lợi

Lưu lượng nước về các hồ chứa khu vực Hàm Thuận – Đa Mi cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát điện và tham gia thị trường điện; hệ thống thiết bị vận hành ổn định, tin cậy và nguồn nhân lực ổn định, có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Khó khăn

Khối lượng công tác đầu tư xây dựng rất lớn đặc biệt là dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim đang thực hiện thi công giai đoạn cuối; dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi thực hiện lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và tiến hành xây dựng, lắp đặt thiết bị và công tác lắp đặt; thử nghiệm hệ thống thiết bị tổ máy H1 Hàm Thuận... đòi hỏi phải tập trung nhiều nguồn lực để hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I. Hoạt động sản xuất điện					
1.	Doanh thu	Tỷ đồng	1.589,5	2.451,8	154,25
2.	Chi phí	Tỷ đồng	929,1	884,1	95,16
3.	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh điện	Tỷ đồng	660,4	1.567,7	237,39
II. Hoạt động tài chính					
1.	Doanh thu	Tỷ đồng	15,9	23,5	147,62
2.	Chi phí	Tỷ đồng	-	(4,8)	-
3.	Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,9	28,3	177,55
III. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác					
1.	Doanh thu	Tỷ đồng	10,4	13,6	131,43
2.	Chi phí	Tỷ đồng	9,4	10,4	111,99
3.	Lợi nhuận	Tỷ đồng	1,0	3,2	306,38
IV.	Tổng lợi nhuận trước thuế (I)+(II)+(III)		677,3	1.599,2	236,08
V.	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	10	18	180

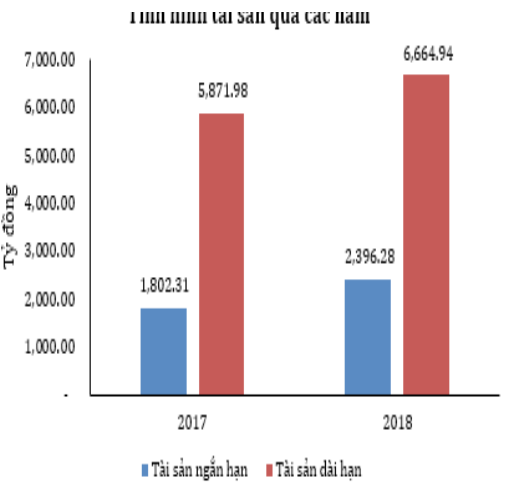
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	1,802.31	2,396.28	132.96%	23.49%	26.45%
Tài sản dài hạn	5,871.98	6,664.94	113.50%	76.51%	73.55%
Tổng tài sản	7,674.29	9,061.23	118.07%	100%	100%

Trong năm, tổng tài sản đạt giá trị 9.061,23 tỷ đồng tăng trưởng 18,07% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó tài sản dài hạn chiếm 73,55% trong cơ cấu tổng tài sản, còn lại là tài sản ngắn hạn. Cụ thể, tài sản dài hạn 6.664,94 tỷ đồng, tăng 13,50% so với cùng kỳ năm. Nguyên nhân tài sản dài hạn tăng chủ yếu vì các tài sản mới đang xây dựng dở dang và các khoản đầu tư tài chính góp vốn vào công ty liên kết và các đơn vị khác. Tài sản ngắn hạn tăng trưởng 32.96% tương ứng với giá trị 2.396,28 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn tăng mạnh vì Công ty thực hiện đầu tư các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn và trái phiếu với giá trị 1.136 tỷ đồng.



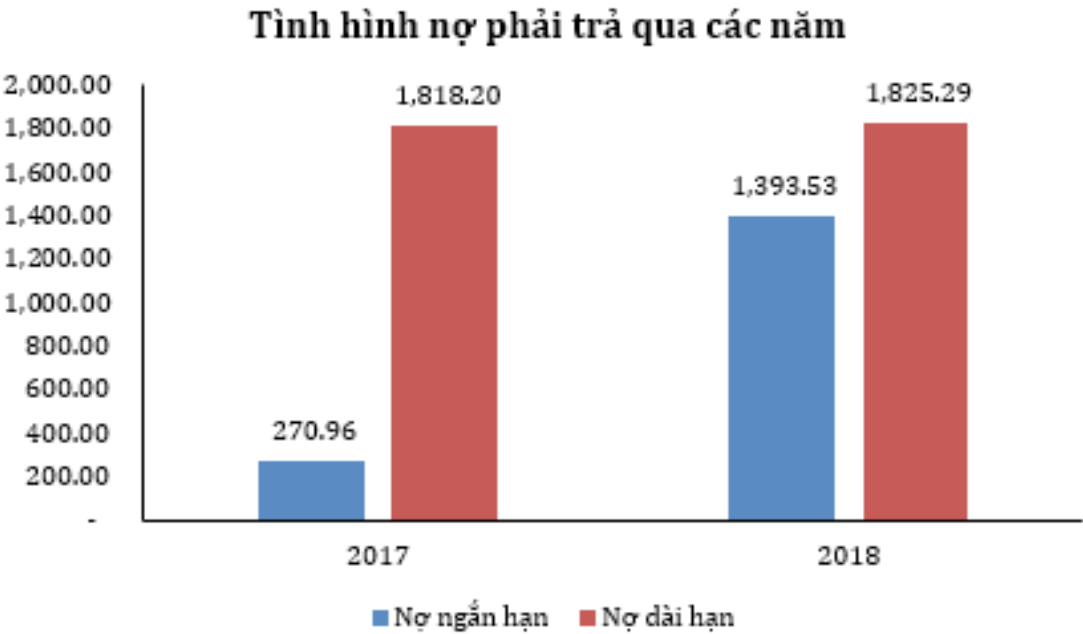
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	8,242.18	3,681.52	44.67%
Máy móc thiết bị	4,235.44	186.29	4.40%
Phương tiện vận tải	60.19	13.27	22.05%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	44.02	1.08	2.46%
TSCĐ khác	0.25	-	0.00%
Cộng	12,582.08	3,882.16	30.85%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	-	-	-
Phần mềm vi tính	1.53	0.99	64.67%
Cộng	1.53	0.99	64.67%

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	270.96	1,393.53	514.30%	12.97%	43.29%
Nợ dài hạn	1,818.20	1,825.29	100.39%	87.03%	56.71%
Tổng nợ phải trả	2,089.15	3,218.83	154.07%	100%	100%

Cơ cấu nợ phải trả qua các năm có sự thay đổi. Theo đó, nợ ngắn hạn chiếm 43,29% trong cơ cấu tổng nợ, cao hơn mức 12,97% tại năm 2017. Nợ dài hạn giảm tỷ trọng từ 87,03% xuống 56,71%. Giá trị nợ ngắn hạn tăng 514,30% so với cùng kỳ năm trước, đạt giá trị 1.818,20 tỷ đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

Đối với loại hình công ty cổ phần, khó khăn đối với doanh nghiệp đến từ hoạt động quản lý công ty. Quy chế quản trị Công ty sẽ đóng vai trò giúp các cổ đông góp vốn hay cổ đông sáng lập để điều hành công ty với cơ cấu tổ chức chặt chẽ, chuyên nghiệp. Trong năm, Công ty thực hiện ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty nhiều quy chế nhằm phục công tác tổ chức, chính sách và quản lý Công ty.

Những cải tiến về chính sách

Trong năm, Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPIs, sửa đổi bổ sung Quy chế năng lương, Quy chế lương sản xuất điện và sản xuất khác... và tiến hành thông tin rõ ràng đến người lao động nhằm khuyến khích cán bộ nhân viên lao động hiệu quả, tích cực đổi mới sáng tạo và được ghi nhận xứng đáng với những gì đã cống hiến cho Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (đang trình duyệt)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
I Hoạt động sản xuất điện			
1	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tỷ đồng	1,687.50
2	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá)	Tỷ đồng	1,021.40
3	Lợi nhuận SXKD điện	Tỷ đồng	666.1
II Hoạt động tài chính (không lãi vay)			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	20.3
2	Chi phí	Tỷ đồng	-
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	20.3
III Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	10.1
2	Chi phí	Tỷ đồng	9.3
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0.8
IV Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)		Tỷ đồng	687.2
V Mức cổ tức		%	10



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

Phương hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư dài hạn

Trong năm 2019, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Cụ thể như sau:

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Hoàn thành hạng mục đào hầm và phát điện với công suất 80MW vào cuối năm 2019.
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Hoàn thành vào tháng 6/2019.
- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Hoàn thiện các thủ tục bổ sung quy hoạch.

Biện pháp triển khai thực hiện

- Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.
- Nâng cao chất lượng sửa chữa lớn từ giai đoạn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.. Tổ chức bảo dưỡng sửa chữa công trình kiểu mẫu để rút kinh nghiệm và nhân rộng.
- Tiếp tục tổ chức, nâng cao chất lượng đào tạo cho lực lượng vận hành, sửa chữa; cán bộ quản lý, kỹ thuật...có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành và sửa chữa hệ thống thiết bị.
- Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2019.
- Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; tối ưu hóa chi phí và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong bảo dưỡng sửa chữa.
- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị.
- Đầu tư và kiểm soát có hiệu quả các dự án; nâng cao chất lượng quản lý các công trình đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định, đúng tiến độ.

Nâng cao chất lượng của Ban quản lý dự án (QLDA)

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Phối hợp với Tư vấn giám sát theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện các gói thầu; thường xuyên nhắc nhở, đánh giá, phân tích và đưa các giải pháp khắc phục trong các cuộc họp định kỳ giữa Ban QLDA, Tư vấn giám sát và các nhà thầu, đảm bảo tiến độ chung của dự án; Phối hợp hỗ trợ Nhà thầu trong công tác giải ngân đảm bảo theo kế hoạch đã đề ra. Phấn đấu hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim để đưa tổ máy 5 vào vận hành phát điện đủ công suất 80MW.
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Giám sát, đôn đốc các nhà thầu hoàn thành các công việc theo đúng tiến độ ký kết hợp đồng. Chủ động làm việc với các sở, ngành để đẩy nhanh công tác xin cấp giấy hoạt động điện lực và các thỏa thuận

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty

- Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.
- Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCLB; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực.
- Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống lụt bão.
- Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.

khác; Chủ động thực hiện đồng thời các công việc để đảm bảo tiến độ đưa dự án vào vận hành thương mại trước ngày 30/6/2019.

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - giai đoạn 2: Tiếp tục phối hợp Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 giải trình bổ sung các yêu cầu của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc đảm bảo nguồn nước cung cấp cho hạ du, trình lại Bộ Công Thương phê duyệt Báo cáo bổ sung quy hoạch, bổ sung Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2 vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả kinh doanh năm 2018

Lưu lượng nước về các hồ chứa khu vực Hàm Thuận – Đa Mi cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát điện và tham gia thị trường điện; hệ thống thiết bị vận hành ổn định, tin cậy và nguồn nhân lực ổn định, có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng được nhu cầu công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty..

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	TH 2018	TH2018/KH2018
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	2.640	3.048	115,45%
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.663,64	2.398,56	144,18%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	819,31	1.600,97	195,40%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	658,71	1.285,18	195,11%

Kết quả đầu tư xây dựng năm 2018

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỉ lệ (%)
1	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim	506,62	459,57	90,71
2	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	288,26	380,65	132,05
3	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim 2	4,82	0,38	7,90
Tổng cộng		799,70	840,60	105,11

- Giá trị giải ngân của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim không đạt kế hoạch do tiến độ thi công đường hầm bằng TBM bị chậm so với kế hoạch.
- Giá trị giải ngân của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi cao hơn kế hoạch do:
 - Theo kế hoạch, phao sẽ nhập khẩu từ nước ngoài nhưng thực tế Nhà thầu đã tổ chức thi công trong nước nên tăng tạm ứng để tạo điều kiện cho Nhà thầu.
 - Nhà thầu gói DMS-8 đã nỗ lực sản xuất, chế tạo toàn bộ thiết bị pin, inverter, máy biến thế...sớm hơn so với kế hoạch nên giá trị thanh toán phần thiết bị cao hơn.

Công tác đầu tư phát triển

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 13 hạng mục với tổng số tiền là 46,41 tỉ đồng. Thực hiện năm 2018 hoàn tất 12 hạng mục với tổng giá trị là 44,65 tỉ đồng đạt 96,2% kế hoạch, 01 hạng mục chuyển tiếp sang năm 2019 là Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận.

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 là một năm có nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, vì vậy, Hội đồng quản trị đã tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018.

- Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên và năm 2018,
- Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh; tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chi tiêu được phê duyệt trong kế hoạch,
- Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả; xây dựng đội ngũ nhân sự vừa có năng lực chuyên môn vừa có tác phong chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện nghiêm túc theo các quy trình, quy định công tác phòng chống lụt bão, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đảm bảo các tổ máy phát, hệ thống thiết bị, công trình an toàn, ổn định sẵn sàng vận hành phát điện, thực hiện tốt tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng;
- Phối hợp Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia khai thác có hiệu quả nguồn nước và thực hiện tích nước các hồ chứa Đơn Dương, Hàm Thuận cao nhất để sẵn sàng phát điện, cấp nước cho hạ du trong mùa khô;
- Tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019;
- Đầu tư hiệu quả vào các dự án bên ngoài; nâng cao chất lượng quản lý các công trình đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định;
- Tiếp tục phát huy các lợi thế và khắc phục những khó khăn trong công tác thị trường điện nhằm đảm bảo tham gia chào giá thị trường điện cạnh tranh có hiệu quả nhất;
- Phối hợp với các cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch	6,400	0.00%
2	Lê Văn Quang	Thành viên	7,600	0.00%
3	Đỗ Minh Lộc	Thành viên	7,100	0.00%



Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: Thị trấn Đông Triều, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 140C Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị nhà máy điện

Quá trình công tác

- Từ 11/1985 đến 12/1992 Kỹ sư điện - NMTĐ Trị An
- Từ 01/1993 đến 06/1993 Đốc công phân xưởng cơ điện - NMTĐ Trị An
- Từ 09/1993 đến 12/1994 Kỹ sư điện NMTĐ Thác Mơ
- Từ 12/1994 đến 10/1995 Phó quản đốc Phân xưởng sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 11/1995 đến 01/2 000 Quản đốc Phân xưởng sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 02/2000 đến 12/2000 Phó Giám đốc NMTĐ Thác Mơ
- Từ 01/2001 đến 08/2006 Giám đốc NMTĐ Thác Mơ
- Từ 09/2006 đến 08/2007 Phó Trưởng ban QLDA NMTĐ Sơn la kiêm Trưởng ban CBSX NMTĐ SơnLa
- Từ 09/2007 đến 09/2011 Giám đốc - Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 10/2011 đến 06/2017 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Từ 07/2017 đến nay Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại Công ty Chủ tịch Hội đồng - Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Ủy viên hội đồng quản trị các Công ty: Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha, Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình, Công ty cổ phần thủy điện A Vương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- Đại diện sở hữu 147.736.085 cổ phần
- Cá nhân sở hữu 6.400 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 8,33% Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Lê Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin đã được trình bày ở phần Ban Điều hành

Ông Đỗ Minh Lộc – Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin đã được trình bày ở phần Ban Điều hành

Các cuộc họp của hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch	5/5	100%
2	Lê Văn Quang	Thành viên	5/5	100%
3	Đỗ Minh Lộc	Thành viên	5/5	100%

Trong năm, HĐQT đã ban hành 43 nghị quyết. Cụ thể như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	06/NQ- TĐĐHĐ	1/11/2018	Về việc thông qua hợp đồng Mua bán điện sửa đổi số 01
2	12/NQ- HĐQT	1/25/2018	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 01 năm 2018
3	17/NQ- HĐQT	2/1/2018	Về việc tạm ứng 25.000 USD cho ADB
4	21/NQ- HĐQT	2/12/2018	Về việc giao phụ trách Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Chi nhánh Công ty CP thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi
5	23/NQ- HĐQT	2/13/2018	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2017
6	26/NQ- HĐQT	2/28/2018	Về việc ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPIs
7	32/NQ- HĐQT	3/19/2018	Về việc thông qua phụ lục hợp đồng số 3 Gói thầu số 12.01-(DNE-D1) thuộc Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim
8	33/NQ- HĐQT	3/19/2018	Về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2017 cho Tổng công ty Phát điện 1
9	37/NQ- HĐQT	3/22/2018	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 02 năm 2018
10	38/NQ- HĐQT	3/22/2018	Về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
11	45/NQ- HĐQT	4/5/2018	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 của CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha
12	49/NQ- HĐQT	4/10/2018	Về việc tuyển dụng lao động thay thế năm 2018
13	58/NQ- HĐQT	4/24/2018	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2017 lần 2

14	59/NQ- HĐQT	4/24/2018	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 03 năm 2018
15	74A/NQ- TĐĐHĐ	5/4/2018	Về việc thông qua hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 07
16	78/NQ- HĐQT	5/7/2018	Thông qua lựa chọn ngân hàng tài trợ vốn cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi
17	81/NQ- HĐQT	5/8/2018	Về việc xử lý tình huống trong đấu thầu, gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi (giai đoạn 2). Dự án : Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi
18	84/NQ- HĐQT	5/15/2018	Về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2017 lần 2 cho Tổng công ty Phát điện 1
19	86/NQ- HĐQT	5/29/2018	Về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
20	87/NQ- HĐQT	5/29/2018	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
21	90/NQ- TĐĐHĐ	6/4/2018	Về việc thông qua hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 08
22	91/NQ- TĐĐHĐ	6/5/2018	Về việc thông qua Phụ lục Hợp đồng số 326/2013/HĐTV-TĐĐHĐ-PECC2 của Gói thầu số 01-(DNE-A1): Khảo sát phục vụ Thiết kế kỹ thuật, lập Thiết kế kỹ thuật – Tổng dự toán, Hồ sơ mời thầu. Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
23	93/NQ- HĐQT	6/13/2018	Về việc chi cổ tức lần 3 năm 2017
24	94/NQ- HĐQT	6/17/2018	Về việc thông qua Hợp đồng. Gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV thuộc Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
25	98/NQ- HĐQT	6/28/2018	Về việc chi trả trước cổ tức lần 3 năm 2017 cho EVNGEN-CO1
26	103/NQ- HĐQT	7/3/2018	Về việc thông qua hợp đồng. Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
27	104/NQ- HĐQT	7/3/2018	Về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng NMTĐĐa Nhim (lần 3)
28	107/NQ- HĐQT	7/10/2018	Về việc lựa chọn ngân hàng mở L/C và nguồn vốn để tạm ứng các gói thầu của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi

29	111/NQ- HĐQT	7/27/2018	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 04 năm 2018
30	129/NQ- TĐĐHĐ	8/31/2018	Về việc thông qua hợp đồng Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi (Giai đoạn 2)
31	133/NQ- HĐQT	9/14/2018	Về việc thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
32	135/NQ- HĐQT	9/14/2018	Họp Hội đồng quản trị thông qua tiến độ dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi và thông qua tiến độ giải pháp điện dự án mở rộng NMTĐĐa Nhim; Giải pháp đảm bảo tiến độ đàm hằm bằng TBM
33	135.1/NQ- TĐĐHĐ	9/18/2018	Về việc ký Phụ lục số 04 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc chính
34	136/NQ- HĐQT	9/21/2018	Về việc thông qua chủ trương chuyển giao thực hiện hợp đồng các hạng mục đồng bộ và kiến trúc nhà máy đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018
35	137/NQ- HĐQT	9/27/2018	Về việc thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông bất thường
36	142/NQ- HĐQT	10/5/2018	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 05 năm 2018
37	145/NQ- TĐĐHĐ	10/16/2018	Về việc thông qua Phụ lục số 01 của hợp đồng số 133/DHD-HDEC&CHINT&SINOPHYDRO ngày 04/07/2018. Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm thiết bị quang điện. Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
38	154/NQ- TĐĐHĐ	10/26/2018	Về việc sử dụng vốn đối ứng thanh toán các gói thầu của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
39	156/NQ- TĐĐHĐ	10/29/2018	Về việc ký Phụ lục của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015. Gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính.
40	163/NQ- TĐĐHĐ	11/9/2018	Về việc thông qua việc chuyển giao và phê duyệt kế hoạch thực hiện các khối lượng còn lại thuộc hạng mục Bill K-Công tác kiến trúc. Gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính. Dự án: Mở rộng NMTĐĐa Nhim
41	164/NQ- TĐĐHĐ	11/9/2018	Về việc thông qua định mức sửa chữa lớn thiết bị cơ – thủy lực NMTĐ Hàm Thuận
42	165/NQ- TĐĐHĐ	11/9/2018	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2018
43	166/NQ- TĐĐHĐ	11/13/2018	Về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương SXKD khác

Trong năm, HĐQT đã đưa ra 36 quyết định. Cụ thể như sau:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/QĐ-TĐĐHĐ	1/3/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể dự án: Nhà máy điện mặt trời Đa Mi
2	08/QĐ-TĐĐHĐ	1/16/2018	Về việc ban hành Quy chế năng lương
3	14/QĐ-TĐĐHĐ	1/26/2018	Về việc ban hành Quy chế điều hành của Công ty
4	18/QĐ-TĐĐHĐ	2/1/2018	- Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại thỏa thuận hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tín hiệu từ RTU sang sử dụng gate way theo IEC 60870.5.104”. - Dự án: Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, điều thế, bảo vệ cho tổ máy 01 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn NMTĐ Hàm Thuận.
5	20/QĐ-TĐĐHĐ	2/1/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
6	22/QĐ-TĐĐHĐ	2/12/2018	Về việc giao phụ trách Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Chi nhánh Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
7	23/QĐ-TĐĐHĐ	2/12/2018	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2017.
8	25/QĐ-TĐĐHĐ	2/23/2018	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2017.
9	28/QĐ-TĐĐHĐ	3/15/2018	Về việc ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPIs.
10	46/QĐ-TĐĐHĐ	4/6/2018	Về việc kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại ban QLDA mở rộng NMTĐĐa Nhim – Chi nhánh Công ty.
11	47/QĐ-TĐĐHĐ	4/6/2018	Về việc bổ nhiệm Giám đốc Ban QLDA mở rộng NMTĐĐa Nhim – Chi nhánh Công ty.
12	69/QĐ-TĐĐHĐ	4/27/2018	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
13	70/QĐ-TĐĐHĐ	4/27/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2018 của người lao động.
14	71/QĐ-TĐĐHĐ	4/27/2018	Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 của người quản lý Công ty.
15	72/QĐ-TĐĐHĐ	4/27/2018	Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2018 của người quản lý Công ty.
16	77/QĐ-TĐĐHĐ	5/7/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2018.
17	79/QĐ-TĐĐHĐ	5/7/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2018 (Đợt 2)”.
18	88/QĐ-TĐĐHĐ	5/29/2018	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
19	95/QĐ-TĐĐHĐ	6/18/2018	Về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương SXKD điện thực hiện năm 2017 của người lao động.
20	96/QĐ-TĐĐHĐ	6/26/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2018.
21	97/QĐ-TĐĐHĐ	6/27/2018	Về việc áp dụng Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong Công ty (DHD).
22	100/QĐ-TĐĐHĐ	6/28/2018	Về việc khen thưởng Ban điều hành Công ty năm 2017.
23	102/QĐ-TĐĐHĐ	6/28/2018	Về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng NMTĐĐa Nhim.
24	105/QĐ-TĐĐHĐ	7/4/2018	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi, giai đoạn 2”. Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

25	106/QĐ-TĐĐHĐ	7/10/2018	Về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi
26	109/QĐ-TĐĐHĐ	7/25/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu Thẩm tra thiết kế giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018. Dự án: Mở rộng NMTĐĐa Nhim
27	118/QĐ-TĐĐHĐ	8/6/2018	Về việc thông qua Thiết kế kỹ thuật – Dự toán và phê duyệt hạng mục “Giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Tổ máy 5 vào cuối năm 2018” vào kế hoạch năm 2018. Dự án: Mở rộng NMTĐĐa Nhim.
28	119/QĐ-TĐĐHĐ	8/6/2018	Về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai, giám sát thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016- 2020 của Công ty
29	120/QĐ-TĐĐHĐ	8/13/2018	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Hạng mục: Giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Tổ máy 5 vào cuối năm 2018. Dự án: Mở rộng NMTĐĐa Nhim.
30	121/QĐ-TĐĐHĐ	8/13/2018	Về ban hành Quy định làm việc của Ban chỉ đạo triển khai, giám sát thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm
31	131/QĐ-TĐĐHĐ	9/5/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2018 (Đợt 3)”
32	132/QĐ-TĐĐHĐ	9/13/2018	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung đợt 3. Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
33	140/QĐ-TĐĐHĐ	10/2/2018	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định phương án vay vốn theo phương thức tự vay tự trả cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
34	147/QĐ-TĐĐHĐ	10/17/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch chi phí ADB thuê tư vấn đánh giá dự án và chi phí cho nhân viên của ADB đi tham gia đánh giá dự án thuộc Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi
35	152/QĐ-TĐĐHĐ	10/24/2018	Về việc bổ sung danh mục sửa chữa lớn năm 2018 “Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim”
36	167/QĐ-TĐĐHĐ	11/13/2018	Về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Thế Long	Trưởng Ban	1,500	0.000
2	Hoàng Văn Long	Thành viên		
3	Hoàng Thị Thanh Hương	Thành viên		

Ông Ngô Thế Long – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Phường B’Lao - TP. Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

“Quá trình công tác

- Từ 04/2004 – 10/2009 Nhân viên kế toán - Công ty thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi
- Từ 10/2009 – 06/2016 Phó phòng TCKT – Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi
- Từ 06/2016 đến nay Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

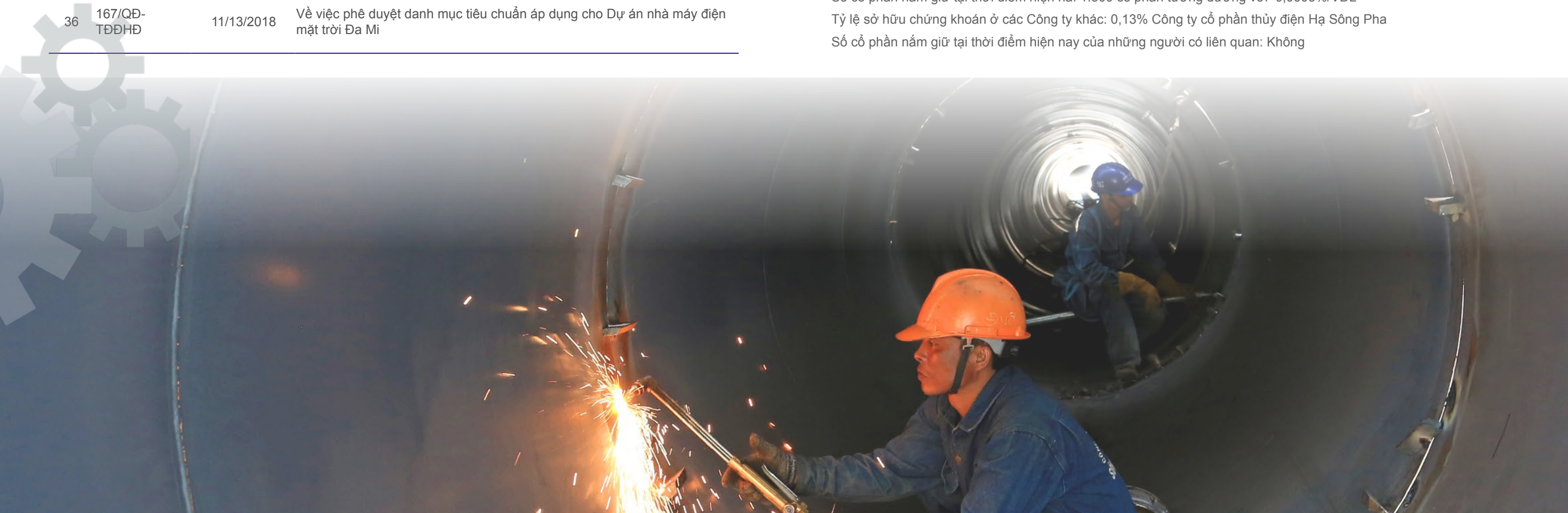
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện na: 1.500 cổ phần tương đương với 0,0003%/VĐL

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0,13% Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không



Ông Hoàng Văn Long – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 6, Ngõ 68/177/60/6, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 14, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XDĐDCN; Cử nhân QTKD.

Quá trình công tác

- Từ 03/2002 đến 04/2010 Nhân viên tiếp nhận vật tư, nhân viên kỹ thuật, kỹ thuật thi công, Công ty Lắp máy 69-1 nay là CTCP LILAMA 69-1 (Đại Phúc – Bắc Ninh).
- Từ 05/2010 đến 06/2012 Công nhân, Kỹ thuật phân xưởng Cơ nhiệt, Công ty nhiệt điện Uông Bí.
- Từ 07/2012 đến 06/2013 Kỹ thuật viên phân xưởng Cơ nhiệt, Công ty nhiệt điện Uông Bí.
- Từ 07/2013 đến nay Chuyên viên Ban Tổng hợp, Tổng công ty Phát điện 1.
- Từ 06/2018 đến nay Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tổng hợp, Tổng công ty Phát điện 1

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Bà Hoàng Thị Thanh Hương – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 13/03/1971

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán.

Quá trình công tác

- Từ 04/1992 đến 09/1995 CV – Phòng TCKT – TT Thông tin – Công ty Điện lực 1
- Từ 10/1997 đến 07/2006 CV – Phòng TCKT – Công ty thông tin viễn thông – Điện lực
- Từ 07/2006 đến 12/2006 Phó trưởng phụ trách phòng Tổ chức – kiêm Phó trưởng phụ trách tài chính kế toán – TD Viễn thông Điện lực.
- Từ 01/2012 đến 07/2012 Tổ công tác EVN thực hiện nhiệm vụ bàn giao giữa 2 tập đoàn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tập đoàn viễn thông Quân đội.
- Từ 08/2012 đến 05/2013 Dự án tiếp nhận công nghệ quản lý tài chính và vật tư ICT - EVN
- Từ 06/2013 đến 01/2017 Phó trưởng phòng tiếp nhận công nghệ và triển khai hệ thống quản lý tài chính – vật tư (ERP) – Ban QLDA FMIS/MMIS- EVN
- Từ 02/2017 – đến nay Chuyên viên chính – Ban Tài chính – Kế toán – Tổng công ty Phát điện 1
- 11/2018 – đến nay Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Chuyên viên chính – Ban Tài chính – Kế toán – Tổng công ty Phát điện 1



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty;

Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự, nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2018, tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp,

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

Ban Tổng Giám đốc duy trì thường xuyên họp giao ban, thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp, Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật;

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT;

Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Chủ tịch HĐQT	871.449.840	109,574,875	-	-
	UVHĐQT kiêm Tổng Giám đốc	835.956.240	99,269,500	-	-
	UVHĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	743.209.440	93,458,500	-	-
2	Ban kiểm soát				
	Trưởng ban Kiểm soát	720.000.000	90,000,000	-	-
	2 thành viên	276.000.000	34,500,000	-	-



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

- Ý kiến kiểm toán viên
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018





KPMG Limited Branch
 11th Floor, Sun Wah Tower
 115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
 District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
 +84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
 Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00449-19-2



Nelson Rodriguez Casihan
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
 Kiểm toán số 2225-2018-007-1
 Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
 Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120+ 130 + 140 + 150)	100		2.596.281.287.493	1.802.307.836.313
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.882.538.874	460.210.215.393
Tiền	111		112.882.538.874	47.752.305.574
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	412.457.909.819
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.136.444.857.992	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.136.444.857.992	268.817.781.781
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.202.619.953.730	1.037.004.362.414
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	702.724.084.112	973.149.579.052
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.455.345.488	12.812.426.113
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	200.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	85.487.274.130	51.089.107.249
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	(46.750.000)
Hàng tồn kho	140	8	41.094.736.869	35.937.541.446
Hàng tồn kho	141		41.094.736.869	35.937.541.446
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.239.200.028	337.935.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	299.627.449	324.175.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.925.813.240	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.464.944.606.866	5.871.980.408.290
Các khoản phải thu dài hạn	210		599.932.824.894	964.420.123.321
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	164.487.298.427
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	599.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		3.883.150.920.002	4.071.339.205.066
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.882.162.216.603	4.070.197.617.863
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>12.582.084.046.249</i>	<i>12.529.631.270.781</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(8.699.921.829.646)</i>	<i>(8.459.433.652.918)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	988.703.399	1.141.587.203
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>1.528.838.057</i>	<i>1.528.838.057</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(540.134.658)</i>	<i>(387.250.854)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.804.706.088.811	720.972.109.699
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.804.706.088.811	720.972.109.699
Đầu tư tài chính dài hạn	250		150.977.821.208	69.976.822.858
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	39.637.821.208	27.616.822.858
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	73.980.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		26.176.951.951	45.272.147.346
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	24.400.771.519	43.543.191.679
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.776.180.432	1.728.955.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.061.225.894.359	7.674.288.244.603

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.218.827.839.962	2.089.154.637.910
Nợ ngắn hạn	310		1.393.534.785.038	270.956.852.145
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	312.454.616.844	36.643.307.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.085.269.594	1.126.431.388
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(a)	274.327.697.589	184.229.200.771
Phải trả người lao động	314		22.390.483.000	25.697.004.929
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	16.543.647.139	16.238.511.550
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	214.081.801.970	432.356.558
Vay ngắn hạn	320	18(a)	548.042.895.691	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	4.608.373.211	6.590.039.709
Nợ dài hạn	330		1.825.293.054.924	1.818.197.785.765
Phải trả người bán dài hạn	331	14	95.970.720.475	44.361.088.013
Phải trả dài hạn khác	337		3.956.393.122	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	954.580.123
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.842.398.054.397	5.585.133.606.693
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.842.398.054.397	5.585.133.606.693
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		128.754.171.541	74.872.484.114
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(48.049.098.769)	(13.698.103.037)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.476.932	44.452.164.359
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.481.250.828.449	1.205.125.354.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		411.338.775.838	552.664.321.663
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.069.912.052.611	652.461.032.625
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50.771.676.244	50.381.706.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.061.225.894.359	7.674.288.244.603

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.398.560.602.153	1.663.635.765.665
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	789.098.811.425	792.201.357.632
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.609.461.790.728	871.434.408.033
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	131.341.733.880	123.774.752.644
Chi phí tài chính	22	28	92.148.896.115	108.629.790.698
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.941.728.266	56.779.965.296
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	24	5(b)	12.020.998.350	(13.365.954.439)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	58.754.767.277	54.381.779.308
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		1.601.920.859.566	818.831.636.232
Thu nhập khác	31		126.758.482	480.630.293
Chi phí khác	32		1.078.134.584	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(951.376.102)	480.630.293
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.600.969.483.464	819.312.266.525
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	316.746.641.701	159.650.031.461
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(954.580.123)	954.580.123
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.285.177.421.886	658.707.654.941

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		1.285.177.421.886	658.707.654.941
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.281.112.052.611	652.461.032.625
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.065.369.275	6.246.622.316
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.033	1.545

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.600.969.483.464	819.312.266.525
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		240.641.060.532	303.253.801.092
Các khoản dự phòng	03		-	46.750.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.207.167.849	28.604.398.741
Lãi tiền gửi	05		(126.733.502.533)	(115.599.727.741)
Cổ tức được chia	05		(4.500.975.900)	(7.778.580.740)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	(307.425.454)
(Lãi)/lỗ từ công ty liên kết	05		(12.020.998.350)	13.365.954.439
Chi phí lãi vay	06		48.941.728.266	56.779.965.296
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.790.503.963.328	1.097.677.402.158
Biến động các khoản phải thu	09		245.559.869.740	(719.183.455.090)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.204.420.188)	51.225.866.198
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		13.908.743.333	56.444.800.794
Biến động chi phí trả trước	12		19.166.968.651	(40.348.891.183)
			2.063.935.124.864	445.815.722.877
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.788.333.546)	(67.717.173.394)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.848.847.686)	(184.315.580.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.348.244.948)	(16.964.112.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.828.949.698.684	176.818.856.295

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(896.052.785.156)	(338.036.199.955)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	307.425.454
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.428.788.746.881)	(445.838.770.100)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		494.817.781.781	1.612.266.239.651
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		26.252.326.122	57.017.769.796
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.803.771.424.134)	879.516.464.846

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		3.967.500.000	6.935.500.000
Tiền thu từ đi vay	33		420.321.891.861	405.823.885.387
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.226.313.202)	(714.112.309.001)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	36		(687.326.129.728)	(349.406.129.728)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(5.242.900.000)	(2.967.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(272.505.951.069)	(653.726.813.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(247.327.676.519)	402.608.507.799
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		460.210.215.393	57.625.548.166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(23.840.572)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	212.882.538.874	460.210.215.393

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2018: 4.224.000.000.000 VND).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2018		1/1/2018	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	70%	70%	71,8%	70%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện.	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 273 nhân viên (1/1/2018: 278 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	381.217.546	306.972.084
Tiền gửi ngân hàng	112.501.321.328	47.445.333.490
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	412.457.909.819
	212.882.538.874	460.210.215.393

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 4,1% và 5,5% (2017: lần lượt là 0% và 6,6%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		1.136.444.857.992		268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		66.000.000.000		-
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	500	5.000.000.000
		73.980.000.000		5.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7% trong năm (2017: 6% đến 6,6% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 7% trong năm (2017: không).

(*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2017: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2017: không), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018					1/1/2018				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	3.267.920	20%	20%	39.637.821.208	-	3.267.920	20%	20%	27.616.822.858	- (*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	- (*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	- (*)
				37.360.000.000	-				37.360.000.000	-
				76.997.821.208	-				64.976.822.858	-

23

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	27.616.822.858	34.782.777.297
Tăng khoản đầu tư trong năm	-	6.200.000.000
Phân lợi nhuận trong công ty liên kết	12.020.998.350	(13.365.954.439)
	39.637.821.208	27.616.822.858

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	833.447.265.592	634.477.138.406	198.970.127.186	59.959.323.699
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	836.375.288.624	697.364.485.137	139.010.803.487	(64.745.752.664)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.187.709.547	6.423.826.581
Các khách hàng khác	3.283.351.795	3.469.378.321
	702.724.084.112	973.149.579.052

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.187.709.547	6.423.826.581
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.107.867.130
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	7.604.300

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.746.011.560	44.497.840.632
Cổ tức được chia	-	896.000.000
Ký quỹ	1.021.529.016	4.584.098.342
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	2.581.748.064	211.167.440
Phải thu khác	7.137.985.490	900.000.835
	85.487.274.130	51.089.107.249

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nguyên vật liệu	38.711.665.196	34.494.317.204
Công cụ và dụng cụ	552.002.186	547.232.593
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.831.069.487	895.991.649
	41.094.736.869	35.937.541.446

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2018 VND	Biến động trong năm		31/12/2018 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	799.932.824.894	799.932.824.894
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	599.932.824.894	799.932.824.894

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2017: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.229.757.400.799	4.194.345.110.830	61.258.637.507	44.016.241.138	253.880.507	12.529.631.270.781
Tăng trong năm	-	2.073.925.000	-	-	-	2.073.925.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.427.374.999	37.951.475.469	-	-	-	50.378.850.468
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	8.242.184.775.798	4.235.436.917.899	60.192.230.907	44.016.241.138	253.880.507	12.582.084.046.249
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.378.208.614.925	3.994.079.633.579	44.948.593.236	41.942.930.671	253.880.507	8.459.433.652.918
Khấu hao trong năm	182.461.078.316	53.998.450.247	3.037.269.537	991.378.628	-	240.488.176.728
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	4.560.669.693.241	4.049.144.490.426	46.919.456.173	42.934.309.299	253.880.507	8.699.921.829.646
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.851.548.785.874	200.265.477.251	16.310.044.271	2.073.310.467	-	4.070.197.617.863
Số dư cuối năm	3.681.515.082.557	186.292.427.473	13.272.774.734	1.081.931.839	-	3.882.162.216.603

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.880.092.559.856 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (1/1/2018: 2.880.069.741.998 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 316.322.842.040 VND được thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay ngân hàng này của Nhóm Công ty (1/1/2018: là 330.195.244.604 VND) (thuyết minh 18(b)).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	387.250.854
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	540.134.658
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.141.587.203
Số dư cuối năm	988.703.399

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	720.972.109.699	285.114.113.350
Tăng trong năm	1.126.942.504.122	432.623.209.208
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.170.325.458	3.234.787.141
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.378.850.468)	-
Số dư cuối năm	1.804.706.088.811	720.972.109.699

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	1.170.048.389.689	615.280.109.895
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	472.216.239.013	3.947.208.895
Các công trình khác	162.441.460.109	101.744.790.909
	1.804.706.088.811	720.972.109.699

(*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (thuyết minh 18(b)).

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	41.755.655.703	1.787.535.976	43.543.191.679
Tăng trong năm	2.317.407.025	1.203.689.496	3.521.096.521
Phân bổ trong năm	(21.671.747.853)	(991.768.828)	(22.663.516.681)
Số dư cuối năm	22.401.314.875	1.999.456.644	24.400.771.519

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	167.150.383.884	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	61.491.762.346	43.675.231.183
GE Power India Limited	32.513.446.998	8.582.100.264
Viện Nghiên cứu Cơ khí	96.223.385.417	21.170.788.683
Các nhà cung cấp khác	51.046.358.674	7.576.275.123
	408.425.337.319	81.004.395.253

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngắn hạn	312.454.616.844	36.643.307.240
Dài hạn	95.970.720.475	44.361.088.013
	408.425.337.319	81.004.395.253

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2020.

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.080.082.440	2.972.152.672
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	96.461.932	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	45.745.920	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	48.466.160

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	50.892.774.145	239.989.921.754	(288.671.167.333)	2.211.528.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.127.847.686	316.746.641.701	(195.848.847.686)	194.025.641.701
Thuế thu nhập cá nhân	858.268.254	7.803.774.062	(6.583.460.151)	2.078.582.165
Thuế tài nguyên	34.339.298.071	266.998.660.227	(276.941.557.779)	24.396.400.519
Các loại thuế khác	25.011.012.615	160.477.664.621	(133.873.132.598)	51.615.544.638
	184.229.200.771	992.016.662.365	(901.918.165.547)	274.327.697.589

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	13.759.339	753.253.387	(753.253.387)	13.759.339

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	16.543.647.139	15.267.301.001
Chi phí phải trả khác	-	971.210.549
	16.543.647.139	16.238.511.550

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	213.600.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	481.801.970	432.356.558
	214.081.801.970	432.356.558

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND Giảm VND	31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	548.042.895.691	- 548.042.895.691

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.772.882.117.629	2.361.531.970.274
Giải ngân trong năm	420.321.891.861	405.823.885.387
Trả gốc trong năm	(4.226.313.202)	(714.112.309.001)
Cần trừ với khoản phải thu khách hàng (thuyết minh 34)	-	(253.655.590.943)
Cần trừ với tiền gửi có kỳ hạn (thuyết minh 34)	-	(74.288.472.222)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(548.042.895.691)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	84.431.140.730	47.582.634.134
Số dư cuối năm	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm Tiền tệ đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam				
Khoản vay 1 (i)	JPY 2020	3,21%	832.412.924.827	794.079.153.563
Khoản vay 2 (ii)	JPY 2021	2,75%	122.510.492.116	117.637.095.531
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực				
Khoản vay 1 (iii)	JPY 2044	0,91% - 1,4%	1.006.691.746.449	587.629.877.215
Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận				
Khoản vay 1 (iv)	VND 2029	Lãi suất biến đổi	311.793.673.626	273.535.991.320
			2.273.408.837.018	1.772.882.117.629

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).
- (iv) Theo hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Khoản vay có thời hạn cho vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2.5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 316.322.842.040 VND (1/1/2018: 330.195.244.604 VND) (thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.590.039.709	4.731.926.692
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	18.366.578.450	18.822.225.800
Sử dụng trong năm	(20.348.244.948)	(16.964.112.783)
Số dư cuối năm	4.608.373.211	6.590.039.709

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.024.943.370.300	40.167.344.653	5.384.709.679.044
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	6.935.500.000	6.935.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	652.461.032.625	6.246.622.316	658.707.654.941
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(2.967.760.000)	(425.367.760.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.056.822.837	(31.056.822.837)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.822.225.800)	-	(18.822.225.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	-	(21.029.241.492)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.452.164.359	1.205.125.354.288	50.381.706.969	5.585.133.606.693
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	3.967.500.000	3.967.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.281.112.052.611	4.065.369.275	1.285.177.421.886
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(5.242.900.000)	(765.562.900.000)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(2.400.000.000)	(213.600.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.100.000.000	(15.100.000.000)	-	-
Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.366.578.450)	-	(18.366.578.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	-	(34.350.995.732)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.670.476.932	1.481.250.828.449	50.771.676.244	5.842.398.054.397

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 760.320 triệu VND, tương ứng 18% vốn điều lệ của Công ty (2017: 422.400 triệu VND, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty).

Theo Nghị quyết số 165/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 211.200 triệu VND, tương ứng 5% vốn điều lệ của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	181.183	4.106.006.450	267.546,74	6.062.581.139

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.665.904.880.720	2.134.979.154.577
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.539.859.042.097	1.002.292.475.051
	3.205.763.922.817	3.137.271.629.628

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.385.079.816.822	1.647.589.257.830
▪ Cung cấp dịch vụ	13.480.785.331	16.046.507.835
	2.398.560.602.153	1.663.635.765.665

26. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn bán điện	779.746.772.283	780.977.719.441
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	9.352.039.142	11.223.638.191
	789.098.811.425	792.201.357.632

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	126.733.502.533	115.599.727.741
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.500.975.900	7.778.580.740
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.255.447	396.444.163
	131.341.733.880	123.774.752.644

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	48.941.728.266	56.779.965.296
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	23.245.426.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	43.207.167.849	28.604.398.741
	92.148.896.115	108.629.790.698

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	38.693.951.922	34.485.792.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	997.754.084	2.499.900.676
Thuế, phí và lệ phí	845.986.652	832.252.772
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.506.542	686.010.168
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	287.141.830	480.198.893
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.725.305.235	9.414.284.791
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.616.121.012	5.936.589.464
	58.754.767.277	54.381.779.308

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	37.968.106.147	33.732.379.706
Chi phí nhân công	102.764.539.545	101.086.389.787
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	817.025.372	454.622.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	240.641.060.532	303.253.801.092
Thuế, phí và lệ phí	406.892.810.475	345.298.787.247
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.626.325.944	26.834.477.277
Chi phí khác	33.758.917.021	36.650.547.576

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	316.666.272.336	159.619.378.631
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
	316.746.641.701	159.650.031.461
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại (Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(954.580.123)	954.580.123
	315.792.061.578	160.604.611.584

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.600.969.483.464	819.312.266.525
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	320.193.896.693	163.862.453.305
Thuế của phần thu nhập không bị tính thuế	(3.304.394.850)	(1.555.716.148)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.309.330
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	-	954.580.123
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.606.902.779	135.050.198
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
Ưu đãi thuế	(2.784.712.409)	(2.824.718.054)
	315.792.061.578	160.604.611.584

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dư có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	1.281.112.052.611	652.461.032.625

(*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại Hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	422.400.000	422.400.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	2.186.893.067	2.083.140.586
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	32.932.313.876
Khoản vay đã trả	-	922.856.372.166
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Lãi vay phải thu	72.587.237.752	72.993.870.272
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	6.200.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	2.325.221.494.075	1.576.312.192.426
Tổng Công ty điện lực Miền Nam		
Bán điện	61.562.650.912	71.277.065.404
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay	370.667.570.895	300.689.098.246
Chi phí lãi vay	7.170.325.458	3.234.787.141
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	3.129.529.074	1.652.211.901
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	679.448.632	327.289.751
Chi phí dịch vụ	9.050.204.042	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Chi phí dịch vụ	1.113.716.872	3.253.597.805
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	2.836.975.900	4.771.277.700

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ		
Cổ tức được chia	1.664.000.000	3.007.303.040
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh		
Cung cấp dịch vụ	54.300.000	63.299.570
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung		
Cung cấp dịch vụ	114.990.000	509.281.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	71.400.000	15.400.000
Chi phí dịch vụ	463.559.985	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng		
Cung cấp dịch vụ	97.419.932	30.326.000
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	126.000.000	-
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	850.372.646	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương	720.884.000	741.722.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương	1.637.528.000	1.171.625.700
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thù lao	1.226.031.600	1.188.313.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018 VND	2017 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	240.133.969.424	109.373.369.451
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	-	253.655.590.943
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	74.288.472.222
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	2.636.111.111	27.879.350.007
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	28.877.048.582	-
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	350.000.000

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Lê Văn Quang